TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 445/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03/9/2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Lợi

2. Bà Võ Thị Gái

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 747/2025/TLST-HNGĐ ngày 31/3/2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1137/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Châu Văn Ơ, sinh năm 1959, CCCD số: 079059009318

Địa chỉ: Số 539/9B Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955, CCCD số 079155008292

Địa chỉ: Số 539/9B Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện (Đơn xin ly hôn) đề ngày 10/3/2025, Bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải được, ông Châu Văn Ơ là nguyên đơn trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị L lấy nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 1987 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 85, đăng ký ngày 25/11/1987 do Ủy ban nhân dân xã Phước Long, huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quá trình chung sống, thời gian đầu chúng tôi sống hạnh phúc. Sau đó, thì chúng tôi thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do suy nghĩ nhận thức không giống nhau, bất đồng quan điểm, cuộc sống của vợ chồng không còn hòa hợp, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn nhiều năm không giải quyết được. Mặc dù chúng tôi đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, tình cảm đối với nhau đã không còn. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

+ Về con chung: Ông Châu Văn Ơ và bà Nguyễn Thị L có 02 hai con chung là Châu Thị Ngọc L1, sinh năm 1988 và Châu Thị Phương T, sinh năm 1992, đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lên Tòa để trình bày ý kiến, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến. Tuy nhiên, bị đơn có bản tự khai đề ngày 14/8/2025 trình bày ý kiến: xác định không đồng ý yêu cầu ly hôn của ông Châu Văn Ơ vì muốn duy trì ổn định cuộc sống gia đình. Đối với các ý kiến trình bày của ông Ơ về con chung, tài sản chung, nợ chung thì thống nhất với ý kiến trình bày của ông Ơ. Ngoài ra, bà L có yêu cầu xin được giải quyết vắng mặt trong vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn là ông Châu Văn Ơ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ông Ơ được ly hôn với bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ông Châu Văn Ơ có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị L . Đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả xác minh

của Công an phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà L thực tế có cư ngụ tại địa chỉ 539/9 Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 85, đăng ký ngày 25/11/1987 do Ủy ban nhân dân xã Phước Long, huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa ông Ơ và bà L là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hôn nhân:

Ông Ơ có yêu cầu ly hôn với bà L. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo ông Ơ trình bày cuộc sống vợ chồng giữa ông và bà L có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng nhận thức, suy nghĩ, quan điểm trong nhiều năm liền dẫn đến cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không khắc phục được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà L đến Tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên hòa giải nhưng bà L không đến, bà L chỉ có bản tự khai xác định không muốn ly hôn với ông Ơ vì muốn duy trì ổn định cuộc sống gia đình nhưng không phản đối ý kiến trình bày có mâu thuẫn trong hôn nhân của ông Ơ, chưa có thiện chí trong việc hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa, bà L cũng xin vắng mặt, không có ý kiến, không có phương án làm thay đổi mâu thuẫn giữa hai vợ chồng; ông Ơ vẫn giữ nguyên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bà L. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của ông Ơ và bà L không hạnh phúc, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ơ.

[3.2] Về con chung: Ông Châu Văn Ơ và bà Nguyễn Thị L đều xác định có 02 hai con chung là Châu Thị Ngọc L1, sinh năm 1988 và Châu Thị Phương T, sinh năm 1992, đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Ông Ơ, bà L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3.4] Nợ chung: Ông Ơ và bà L khai nhận không có.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì nguyên đơn là ông Ơ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q (kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Châu Văn Ơ:

- Về hôn nhân: Ông Châu Văn Ơ được ly hôn với bà Nguyễn Thị L .

Giấy chứng nhận kết hôn số 85, đăng ký ngày 25/11/1987 do Ủy ban nhân dân xã Phước Long, huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị L và ông Châu Văn Ơ hết giá trị pháp lý từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Châu Văn Ơ và bà Nguyễn Thị L đều xác định có 02 hai con chung là Châu Thị Ngọc L1, sinh năm 1988 và Châu Thị Phương T, sinh năm 1992, đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông Ơ, bà L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Ơ và bà L khai nhận không có.

2. *Về án phí:*

Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí tại thời điểm khởi kiện.

3. *Quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV2-TP.HCM;
- THADS TP. HCM;
- TAND TP.HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Phạm Minh Vương